

đâu không rõ, do đó theo yêu cầu của chị, Tòa án nhân dân huyện BD tuyên bố anh C mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2025/QĐST-VDS ngày 20/3/2025. Từ lúc Tòa án tuyên bố anh C mất tích cho đến nay thì anh C cũng không có trở về địa phương, hiện tại chị C cũng không biết anh C đang ở đâu.

Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/01/2013 và Võ Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 13/02/2016, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Anh Võ Thanh T hiện đã mất tích, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh C nhưng không có kết quả, anh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD:*

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử (HĐXX) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

- Về nội dung đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh C. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị C được nuôi 02 con chung và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xét đến; Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nơi cư trú cuối cùng của anh Võ Thanh T là ấp HC, xã CH, huyện BD, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện BD thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 21/5/2025, bị đơn anh Võ Thanh T đã được triệu tập đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh C và anh Võ Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã CH, huyện BD theo quy định pháp luật vào ngày 04/02/2013, do đó, hôn nhân của chị C và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị C cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn, hiện đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C. Tại quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2025/QĐST-VDS ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện BD tuyên bố anh C mất tích. HĐXX xét thấy anh C là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu ly hôn của chị C thuộc trường hợp xin ly hôn với người mất tích do vậy áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/01/2013 và Võ Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 13/02/2016. Hai con chung hiện đang sống cùng chị C, cháu Đ và cháu Đ1 cũng có nguyện vọng sống chung với chị C, anh C cũng đang mất tích nên không thể nuôi dưỡng các cháu, do đó để đảm bảo điều kiện sống và phát triển bình thường của các cháu, HĐXX chấp nhận chị C được nuôi 02 con chung và ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị C không tranh chấp nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Chị C khai không có nên không xét đến

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Thanh C phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh C ly hôn với anh Võ Thanh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh C được quyền nuôi 02 con chung tên Võ Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/01/2013 và Võ Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 13/02/2016. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị C không tranh chấp nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị C khai không có nên không xét đến

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0011235 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã CH;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy